

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

---

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

**Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2017**

**kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017**



## MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3-4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6-7
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10-29



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban giám đốc Công ty Cổ Phần City Auto (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được soát xét.

Công ty Cổ Phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 17/12/2015 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh.

**Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty:** Mua bán xe ô tô, phụ tùng, phụ kiện, máy móc thiết bị; dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô, xe gắn máy và máy móc thiết bị.

### **Hình thức sở hữu vốn**

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 180.000.000.000 VND

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 30/06/2017: 180.000.000.000 VND

### **Hội đồng quản trị Công ty gồm:**

Ông : Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT
Ông : Trần Lâm	Thành viên
Ông : Trần Trung Chánh	Thành viên
Ông : Võ Thanh Phong	Thành viên
Ông : Nim Vuồn Phu	Thành viên

### **Ban Tổng giám đốc Công ty gồm:**

Ông : Trần Trung Chánh	Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Đăng Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông : Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà : Lê Thị Phú	Giám đốc tài chính

### **Ban kiểm soát gồm:**

Bà : Phạm Thị Mỹ Dung	Trưởng ban
Bà : Nguyễn Thị Tâm	Thành viên
Bà : Lê Thị Thương Thương	Thành viên

### **Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2017.

### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

### **Công bố trách nhiệm của giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2017. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 8 năm 2017

TM. BAN GIÁM ĐỐC  
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN TRUNG CHÁNH



Số: 455.../BCSX/TC/2017/AASCS**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban giám đốc  
Công ty Cổ phần City Auto**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần City Auto, được lập ngày 20 tháng 7 năm 2017, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần City Auto chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tp. HCM, ngày 07 tháng 8 năm 2017**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán  
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)****Phó Tổng Giám Đốc**  
  
**LÊ VĂN TUẤN**

Số Giấy CNĐKHNKT số 0479-2013-142-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>537.990.674.445</b>	<b>507.835.176.085</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	V.01	<b>13.082.644.461</b>	<b>9.082.072.979</b>
1. Tiền	111		13.082.644.461	9.082.072.979
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>		<b>259.621.385.637</b>	<b>213.892.616.854</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	170.473.803.445	171.669.032.026
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	31.174.637.410	11.850.840.487
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	57.723.292.216	30.122.103.235
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(121.456.544)	(121.456.544)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	371.109.110	372.097.650
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	V.06	<b>255.201.304.619</b>	<b>269.370.905.216</b>
1. Hàng tồn kho	141		256.521.859.106	270.691.459.703
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.320.554.487)	(1.320.554.487)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>		<b>10.085.339.728</b>	<b>15.489.581.036</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	3.350.450.892	3.183.627.580
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.11	5.864.142.887	11.583.862.653
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	870.745.949	722.090.803
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>172.720.834.103</b>	<b>171.693.492.511</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>46.512.675.499</b>	<b>46.757.425.499</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	46.512.675.499	46.757.425.499
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>120.204.060.172</b>	<b>116.029.198.100</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	36.100.355.799	31.918.511.227
- Nguyên giá	222		50.250.371.568	43.831.919.525
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(14.150.015.769)	(11.913.408.298)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	84.103.704.373	84.110.686.873
- Nguyên giá	228		84.446.974.623	84.446.974.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(343.270.250)	(336.287.750)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<b>240</b>		<b>1.096.909.091</b>	<b>2.885.800.600</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.096.909.091	2.885.800.600
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>4.907.189.341</b>	<b>6.021.068.312</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	4.907.189.341	6.021.068.312
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>710.711.508.548</b>	<b>679.528.668.596</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>479.232.924.919</b>	<b>452.697.114.232</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>476.707.924.919</b>	<b>449.661.740.051</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	42.393.401.503	35.951.168.037
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.156.438.766	17.382.597.193
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	949.512.515	2.612.668.066
4. Phải trả người lao động	314		5.182.088.446	7.861.633.544
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	4.364.105.938	1.342.410.298
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	17.356.271.793	13.146.621.579
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	383.964.514.735	370.139.050.111
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.341.591.223	1.225.591.223
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.525.000.000</b>	<b>3.035.374.181</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	2.525.000.000	780.000.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	2.255.374.181
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>231.478.583.629</b>	<b>226.831.554.364</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>231.478.583.629</b>	<b>226.831.554.364</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.15	180.000.000.000	180.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.15	-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.15	3.134.891.059	3.134.891.059
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.15	407.699.493	407.699.493
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.15	32.853.619.545	27.949.282.459
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.949.282.459	913.784.784
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.904.337.086	27.035.497.675
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429	V.16	15.082.373.532	15.339.681.353
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>710.711.508.548</b>	<b>679.528.668.596</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Võ Chí Tâm  
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 7 năm 2017



Lê Thị Phú  
Giám đốc tài chính




Trần Trung Chánh  
Tổng Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**6 tháng đầu năm 2017**

Đơn vị tính: VND

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	1.737.547.266.503	1.582.486.655.683
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2		32.148.980.737	5.883.034.008
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.705.398.285.766	1.576.603.621.675
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.630.393.060.547	1.477.046.863.340
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		75.005.225.219	99.556.758.335
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	11.946.947	29.826.560
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	11.110.215.769	5.956.127.459
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.110.215.769	5.956.127.459
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	54.563.595.319	54.614.797.335
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	28.058.005.254	21.997.432.388
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18.714.644.176)	17.018.227.713
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	22.356.749.906	9.554.222.463
12.	Chi phí khác	32	VI.08	753.837.064	180.086.106
13.	Lợi nhuận khác	40		21.602.912.842	9.374.136.357
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.888.268.666	26.392.364.071
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	496.613.582	3.656.728.392
16.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		(2.255.374.181)	(645.172.728)
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.647.029.265	23.380.808.407
18.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		4.904.337.086	22.609.896.068
19.	Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(257.307.821)	770.912.338
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	272	1.231
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Võ Chí Tâm  
Người lập biểu  
Ngày 20 tháng 7 năm 2017



Lê Thị Phú  
Giám đốc tài chính





Trần Trung Chánh  
Tổng Giám đốc



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2017

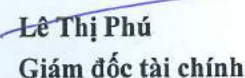
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	2.888.268.666	26.392.364.071
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.739.328.233	2.127.818.962
Các khoản dự phòng	03	-	-
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.050.748.522	(88.336.093)
Chi phí lãi vay	06	11.110.215.769	5.956.127.459
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	18.788.561.190	34.387.974.398
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(39.912.954.163)	(19.701.675.477)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	14.169.600.597	(27.985.916.649)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	14.705.871.932	22.452.447.971
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	947.055.659	(4.471.540.832)
Tiền lãi vay đã trả	14	(11.110.215.769)	(5.956.127.459)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.097.765.270)	(1.034.870.372)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	150.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(34.000.000)	(2.500.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(4.393.845.824)	(2.312.208.420)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.591.185.408)	(14.789.802.292)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.403.191.143	3.120.704.545
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.946.947	29.826.560
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(7.176.047.318)	(11.639.271.187)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	1.479.614.077.750	1.085.707.476.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.464.043.613.126)	(1.056.264.269.116)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(9.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	15.570.464.624	20.443.206.884
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	4.000.571.482	6.491.727.277
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	9.082.072.979	16.386.357.723
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	13.082.644.461	22.878.085.000

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính hợp nhất



Võ Chí Tâm  
Người lập biểu  
Ngày 20 tháng 7 năm 2017



Lê Thị Phú  
Giám đốc tài chính



Trần Trung Chánh  
Tổng Giám đốc



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho báo cáo 6 tháng đầu năm 2017**

### **I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1- Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 17/12/2015 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty đã được chấp thuận là công ty đại chúng theo Công văn số 6315/UBCK-GSDC ngày 19/9/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

#### **2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Thương mại – Dịch vụ**

#### **3- Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:**

- Đại lý du lịch;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội thất;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn bất động sản; quản lý bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết : bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận tải hành khách bằng xe ô tô;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: cho thuê xe du lịch từ 4 đến 45 chỗ ngồi;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Sửa chữa máy móc thiết bị (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết: dịch vụ cứu hộ cứu nạn;
- Bán buôn chuyên kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng**

#### **5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.**

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2017.

#### **6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty có các Chi nhánh hoạt động như sau:

011/2017  
CÔNG TY  
NHIỆM VỤ  
CỬ TỬ V  
HÌNH KẾT  
KIỂM TOÁN  
HÀ NAM  
TP.HỒ CHÍ MINH

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003.

### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Trong kỳ 6 tháng đầu năm 2017, Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối kỳ.

## II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

### 1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### 2- Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV. Các chính sách kế toán áp dụng

### 1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

#### - Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

#### - Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Trong giai đoạn sản xuất, kinh doanh, kể cả việc đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp đang hoạt động, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Cuối kỳ kế toán, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ ra

“đồng Việt Nam” theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ

## **2. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

## **3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

### **- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm, trạng thái hiện tại.

### **- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ**

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

### **- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

### **- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## **4- Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

### **- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

### **Phần mềm kế toán**

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

### - Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

### 5- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm.

- Chi phí thành lập
- Chi phí trước hoạt động, chi phí chuẩn bị sản xuất;
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý;

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá 01 chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn. Còn các chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên 01 chu kỳ sản xuất thông thường thì được trình bày là chi phí trả trước dài hạn.

### 6- Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần City Auto và các Công ty con (Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ và Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang) vào ngày 30 tháng 6 hàng năm. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Nhóm Công ty theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

### **7- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

### **8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả được lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

### **10- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

### **11- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

## **12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## **13- Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

## **14- Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý**

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

## **15- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và

các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Số thuế thể hiện trên các báo cáo tài chính là số dự kiến phải nộp dựa trên sổ sách kế toán, số thuế cụ thể phải nộp sẽ được điều chỉnh khi cơ quan thuế kiểm tra quyết toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **16- Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### **17- Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **18- Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



## **19- Công cụ tài chính**

### **Tài sản tài chính**

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua.

### **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo thông tư 210/2009/TT-BTC, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

**Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH):** Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền mặt	1.843.039.507	1.687.797.432
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	1.276.244.226	1.231.796.698
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	129.099.482	25.246.038
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	437.695.799	430.754.696
Tiền gửi ngân hàng	11.239.604.954	7.394.275.547
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	5.418.374.988	3.541.193.241
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	1.638.184.068	2.965.991.271
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	4.183.045.898	887.091.035
<b>Cộng</b>	<b>13.082.644.461</b>	<b>9.082.072.979</b>
<b>2. Phải thu của khách hàng</b>		
<b>Ngắn hạn</b>		
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% trên tổng phải thu khách hàng)	166.122.563.185	171.270.655.306
- Phải thu các Bên liên quan		
+ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	4.351.240.260	398.376.720
<b>Cộng</b>	<b>170.473.803.445</b>	<b>171.669.032.026</b>
<b>3. Trả trước cho người bán</b>		
<b>Ngắn hạn</b>		
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	30.194.102.195	10.632.534.676
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	980.535.215	1.218.305.811
<b>Cộng</b>	<b>31.174.637.410</b>	<b>11.850.840.487</b>
<b>4. Phải thu khác</b>		
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Phải thu khác từ Công ty Ford Việt Nam	23.756.803.044	17.714.051.964
- Phải thu khác từ Công ty TNHH TM Lâm Long	1.000.000.000	1.000.000.000
- Phải thu khác từ Ông Trần Trung Chánh	941.544.000	-
- Phải thu khác từ Ông Trần Lâm	1.950.000.000	-
- Phải thu khác Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	21.551.419.026	5.137.000.000
- Các khoản tạm ứng	5.360.230.944	2.908.017.424
- Ký quỹ ngắn hạn khác	60.014.560	238.142.780
- Các khoản phải thu khác	3.103.280.642	3.124.891.067
<b>Cộng</b>	<b>57.723.292.216</b>	<b>30.122.103.235</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Ký quỹ thuê văn phòng Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	42.434.102.400	42.434.102.400
- Ký quỹ dài hạn khác	4.078.573.099	4.323.323.099
<b>Cộng</b>	<b>46.512.675.499</b>	<b>46.757.425.499</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**5. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
<b>Tại Công ty CP City Auto</b>				
- Tạm ứng ở CN Bà Rịa	34.700.651	-	34.700.651	-
- Hàng tồn kho	334.448.427	-	334.448.427	-
<b>Tại Công ty CP Ô tô Nha Trang</b>				
- Hàng tồn kho	1.960.032	-	2.948.572	-
<b>Cộng</b>	<b>371.109.110</b>	<b>-</b>	<b>372.097.650</b>	<b>-</b>

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ	163.931.108	-	3.278.104	-
- Chi phí sản xuất dở dang	1.559.539.847	-	1.809.689.976	-
- Hàng hóa (6.1)	254.798.388.151	(1.320.554.487)	268.878.491.623	(1.320.554.487)
<b>Cộng</b>	<b>256.521.859.106</b>	<b>(1.320.554.487)</b>	<b>270.691.459.703</b>	<b>(1.320.554.487)</b>

**(6.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xe các loại	215.064.736.895	232.248.073.255
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	119.225.741.899	123.381.146.441
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	65.488.567.725	65.428.063.183
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	30.350.427.271	43.438.863.631
Phụ tùng, phụ kiện	39.733.651.256	36.630.418.368
- Tại Công ty Cổ phần City Auto	20.368.993.952	19.648.636.369
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	9.946.823.789	8.605.012.272
- Tại Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	9.417.833.515	8.376.769.727
<b>Cộng</b>	<b>254.798.388.151</b>	<b>268.878.491.623</b>

**Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

- Số dư đầu năm	(1.320.554.487)
- Trích lập dự phòng	-
- Số dư cuối kỳ	<b>(1.320.554.487)</b>

**7. Chi phí trả trước**

**a) Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	690.134.555	1.025.447.376
- Vật tư sơn chờ kết chuyển	400.850.202	478.903.566
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	2.259.466.135	1.679.276.638
<b>Cộng</b>	<b>3.350.450.892</b>	<b>3.183.627.580</b>

**b) Dài hạn**

- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.005.183.759	4.592.339.459
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	902.005.582	1.428.728.853
<b>Cộng</b>	<b>4.907.189.341</b>	<b>6.021.068.312</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

8. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
<b>Nguyên giá</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.575.965.547	287.334.000	-	8.863.299.547
Máy móc, thiết bị	14.443.402.934		41.503.890	14.401.899.044
Phương tiện vận tải	20.078.903.336	13.026.222.917	6.920.120.984	26.185.005.269
Thiết bị, dụng cụ quản lý	733.647.708	66.520.000	-	800.167.708
<b>Cộng</b>	<b>43.831.919.525</b>	<b>13.380.076.917</b>	<b>6.961.624.874</b>	<b>50.250.371.568</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	5.511.953.594	336.285.972	-	5.848.239.566
Máy móc, thiết bị	3.771.979.495	954.986.052	25.032.748	4.701.932.799
Phương tiện vận tải	2.199.337.791	2.394.163.701	1.470.705.514	3.122.795.978
Thiết bị, dụng cụ quản lý	430.137.418	46.910.008	-	477.047.426
<b>Cộng</b>	<b>11.913.408.298</b>	<b>3.732.345.733</b>	<b>1.495.738.262</b>	<b>14.150.015.769</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Nhà cửa, vật kiến trúc	3.064.011.953			3.015.059.981
Máy móc, thiết bị	10.671.423.439			9.699.966.245
Phương tiện vận tải	17.879.565.545			23.062.209.291
Thiết bị, dụng cụ quản lý	303.510.290			323.120.282
<b>Cộng</b>	<b>31.918.511.227</b>			<b>36.100.355.799</b>

Tài sản cố định hữu hình tăng trong năm do mua sắm mới, giảm do nhượng bán.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.097.762.813 đồng.

9. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
<b>Nguyên giá</b>				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	424.500.000	-	-	424.500.000
<b>Cộng</b>	<b>84.446.974.623</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>84.446.974.623</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	336.287.750	6.982.500	-	343.270.250
<b>Cộng</b>	<b>336.287.750</b>	<b>6.982.500</b>	<b>-</b>	<b>343.270.250</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	88.212.250			81.229.750
<b>Cộng</b>	<b>84.110.686.873</b>			<b>84.103.704.373</b>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 284.850.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

10. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	8.958.065.729	8.958.065.729	10.758.600.872	10.758.600.872
- Công ty TNHH Minh Long	10.197.613.758	10.197.613.758	392.890.700	392.890.700
- Phải trả các bên liên quan				
+ Công ty CP TĐ Tân Thành Đô	19.104.790.569	19.104.790.569	19.148.654.263	19.148.654.263
- Các đối tượng khác	4.132.931.447	4.132.931.447	5.651.022.202	5.651.022.202
<b>Cộng</b>	<b>42.393.401.503</b>	<b>42.393.401.503</b>	<b>35.951.168.037</b>	<b>35.951.168.037</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu từ Nhà nước**

a) Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối kỳ
		trong kỳ	trong kỳ	
- Thuế GTGT phải nộp	42.066.351	848.616.488	867.726.192	22.956.647
- Thuế TNDN	2.305.057.343	441.108.758	2.042.260.446	703.905.655
- Thuế TNCN	265.544.372	1.077.422.179	1.120.316.338	222.650.213
- Thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.612.668.066</b>	<b>2.378.147.425</b>	<b>4.041.302.976</b>	<b>949.512.515</b>
b) Phải thu				
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	11.583.862.653	174.629.589.692	168.909.869.926	5.864.142.887
- Thuế TNDN	718.166.738	55.504.824	208.084.035	870.745.949
- Thuế TNCN	3.924.065	3.924.065	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.305.953.456</b>	<b>174.689.018.581</b>	<b>169.117.953.961</b>	<b>6.734.888.836</b>

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam	1.715.049.755	578.310.975
- Trích trước lương tháng 13	1.862.963.094	-
- Chi phí phải trả khác	786.093.089	764.099.323
<b>Cộng</b>	<b>4.364.105.938</b>	<b>1.342.410.298</b>

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	85.970.528	55.290.717
- Tài sản thừa chờ xử lý ở Công ty CP City Auto	95.713.834	101.498.786
- Chi hộ hỗ trợ bán hàng từ Công ty Ford Việt Nam	4.158.578.792	3.159.806.866
- Phải trả Công ty Cổ Phần Tập đoàn Tân Thành Đô	-	3.900.000
- Phải trả Ông Nguyễn Đăng Hoàng	719.039.641	874.039.641
- Phải trả Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	3.041.000.000	-
- Phải trả Công ty TNHH Ô tô VW Nha Trang	3.920.000.000	3.700.000.000
- Phải trả khách hàng tiền đặt cọc	1.050.498.457	1.030.498.458
- Các khoản phải trả khác	4.285.470.541	4.221.587.111
<b>Cộng</b>	<b>17.356.271.793</b>	<b>13.146.621.579</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**14. Vay và nợ thuê tài chính**

		Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
<b>a. Ngắn hạn</b>		<b>370.139.050.111</b>	<b>1.476.864.077.750</b>	<b>1.463.038.613.126</b>	<b>383.964.514.735</b>
- NH Ngoại thương	(14.1)	187.934.820.611	629.202.156.500	644.215.341.126	172.921.635.985
- NH Bảo Việt	(14.2)	89.376.340.000	298.114.944.000	337.544.284.000	49.947.000.000
- NH Quân đội	(14.3)	67.718.889.500	190.401.436.500	193.793.145.750	64.327.180.250
- NH Quốc tế	(14.4)	-	35.542.510.750	32.481.445.250	3.061.065.500
- NH Công Thương	(14.5)	22.700.000.000	303.733.030.000	232.983.397.000	93.449.633.000
- NH HD	(14.6)	1.929.000.000	19.870.000.000	21.541.000.000	258.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả					
+ NH Ngoại thương	(14.1)	480.000.000	-	480.000.000	-
<b>b. Dài hạn</b>		<b>780.000.000</b>	<b>2.750.000.000</b>	<b>1.005.000.000</b>	<b>2.525.000.000</b>
- NH Ngoại thương	(14.1)	780.000.000	2.750.000.000	1.005.000.000	2.525.000.000
<b>Cộng</b>		<b>370.919.050.111</b>	<b>1.479.614.077.750</b>	<b>1.464.043.613.126</b>	<b>386.489.514.735</b>

Cho đến ngày 30/6/2017, Công ty không có khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**(14.1) Vay ngắn và dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại các chi nhánh sau:**

(14.1.1) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP City Auto vay tại Chi nhánh Tp.HCM theo hợp đồng tín dụng số 01/CV-0083/KHDN1/17NH ngày 04/5/2017 với tổng hạn mức vay là 120 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 03/5/2018, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 03 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp.HCM được quy định cụ thể tại các hợp đồng thế chấp kèm theo. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2017 là 111.302.954.000 đồng.

(14.1.2) Khoản vay ngắn hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng tín dụng số 2016/ONT2 ngày 23/11/2016 với tổng hạn mức vay là 80 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 23/11/2017, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 03 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này: các xe ô tô tồn kho luân chuyển với giá trị là 95 tỷ đồng, được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp hàng hoá số 2016/ONT2 ngày 23/11/2016 và văn bản bảo lãnh ngày 23/11/2016 do Công ty Cổ Phần City Auto ký phát hành. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2017 là 61.618.681.985 đồng.

(14.1.3) Khoản vay dài hạn do Công ty CP ô tô Nha Trang vay tại chi nhánh Khánh Hòa theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng số 2017/VCB-ONT/XE ngày 13/02/2017 với số tiền vay là 1,5 tỷ đồng, thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày phải ngân; lãi suất vay cố định 8%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Mục đích vay: mua 03 xe ô tô Ford biển số 79A-115.82; 79A-133.36; 79A-137.33. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định tại hợp đồng thế chấp số 2017/VCB-ONT/TS ngày 13/02/2017. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2017 là 1.380.000.000 đồng.

- Hợp đồng số 2017/VCB-ONT/XE ngày 01/3/2017 với số tiền vay là 1.250.000.000 đồng, thời hạn vay: 36 tháng kể từ ngày phải ngân; lãi suất vay cố định 8%/năm trong 12 tháng đầu tiên. Mục đích vay: mua 01 xe ô tô Ford Explorer biển số 79A-141.21. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản hình thành từ vốn vay, được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 2017/VCB-ONT/TS2 ngày 01/3/2017. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2017 là 1.145.000.000 đồng.

(14.2) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Tp.HCM** theo hợp đồng số 0454/2016/HĐTD1/BVB03 ngày 08/9/2016, hạn mức vay: 50 tỷ đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là hàng tồn kho xe ô tô Ford nguyên chiếc mới 100% mua từ Công ty TNHH Ford Việt Nam, xe có sẵn trong kho hoặc/và xe hình thành từ vốn vay. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2017 là 49.947.000.000 đồng.

(14.3) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Quân đội** theo hợp đồng số 10093.17.110.2711499.TD ngày 22/6/2017 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng và hạn mức bảo lãnh là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức đến ngày 31/5/2018; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa số 6331.17.110.11499.BĐ ngày 22/6/2017 và các phụ lục thế chấp từng lần phát sinh; bao gồm:

- Hàng hóa là lô xe mới 100% hình thành từ phương án MB tài trợ;
- Hàng hóa là lô xe hiện hữu thuộc sở hữu của bên đi vay;
- Hợp đồng tiền gửi/ Sổ tiết kiệm/ Bất động sản theo quy định.

Khoản vay này do Công ty CP City Auto vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2017 là 64.327.180.250 đồng.

(14.4) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Tp.HCM** theo hợp đồng tín dụng số 0026.HĐTD2-VIB880.17 ngày 03/3/2017 với tổng hạn mức vay là 50 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 06 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô du lịch, xe bán tải hiệu Ford mới hình thành từ vốn vay VIB và/hoặc lô xe ô tô du lịch, xe bán tải hiệu Ford mới thuộc sở hữu của Công ty. Khoản vay này do Công ty CP Phú Mỹ vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2017 là 3.061.065.500 đồng.

(14.5) Vay ngắn hạn từ **Ngân hàng TMCP Công thương** theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 01/2016-HĐTDHM/NHCT908-PHUMYFORD ngày 21/12/2016. Hạn mức vay: 30 tỷ đồng. Thời hạn tín dụng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho mỗi khoản giải ngân không vượt quá 03 tháng. Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là hàng hóa và tài sản chi tiết theo hợp đồng thế chấp/ cầm cố tài sản số 01/2016-HĐTCHH/NHCT908-PHUMYFORD và số 01/2016-HĐTCQTS/NHCT908-PHUMYFORD ngày 21/12/2016. Khoản vay này do Công ty CP ô tô Phú Mỹ vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2017 là 22.034.070.000 đồng.

- Hợp đồng số 01/2017-HĐCVHM/NHCT906-CITY AUTO ngày 12/4/2017 với tổng hạn mức vay là 200 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/03/2018, thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017-HĐTC/NHCT906-CITY AUTO ngày 19/4/2017 và các phụ lục đi kèm với tổng giá trị tài sản thế chấp là 110 tỷ đồng; bao gồm:

- + Toàn bộ hàng hóa luân chuyển (bao gồm xe mới, xe cũ, phụ tùng, phụ kiện...);
- + Các quyền và lợi ích phát sinh từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm;
- + Tất cả các quyền đòi nợ, quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác mà bên đi vay có thể nhận được.

Khoản vay này do Công ty CP ô tô City Auto vay. Số dư nợ vay đến ngày 30/6/2017 là 71.415.563.000 đồng.

(14.6) Vay ngắn hạn **Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh (HD bank)** theo hợp đồng số 5005/16/HĐTDHM-DN/068 ngày 22/9/2016 với tổng hạn mức vay là 40 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 06 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là xe ô tô Ford mới 100% mua từ Công ty Ford Việt Nam, chi tiết quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa số 4206/16/HĐBĐ-068 ngày 22/9/2016. Khoản vay này do Công ty CP Phú Mỹ vay. Số dư các khoản vay đến ngày 30/6/2017 là 258.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	01/01/2016	Tăng	Giảm	30/6/2016
- Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	-	-	180.000.000.000
- Quỹ khác	62.741.577	-	-	62.741.577
- Quỹ Đầu tư phát triển	1.885.396.603	904.536.540	-	2.789.933.143
- LNST chưa phân phối	12.132.984.384	22.609.896.068	10.356.804.810	24.386.075.642
<b>Cộng</b>	<b>194.081.122.564</b>	<b>23.514.432.608</b>	<b>10.356.804.810</b>	<b>207.238.750.362</b>

	01/01/2017	Tăng	Giảm	30/6/2017
- Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	-	-	180.000.000.000
- Quỹ khác	407.699.493	-	-	407.699.493
- Quỹ Đầu tư phát triển	3.134.891.059	-	-	3.134.891.059
- LNST chưa phân phối	27.949.282.459	4.904.337.086	-	32.853.619.545
<b>Cộng</b>	<b>211.491.873.011</b>	<b>4.904.337.086</b>	<b>-</b>	<b>216.396.210.097</b>

b) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 180.000.000.000 đồng tương đương 18.000.000 Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phần.

<b>Cổ phiếu</b>	<b>6 tháng đầu năm 2017</b>	<b>6 tháng đầu năm 2016</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.000.000	18.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông	18.000.000 18.000.000	18.000.000 18.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) + Cổ phiếu phổ thông	- -	- -
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành + Cổ phiếu phổ thông	18.000.000 18.000.000	18.000.000 18.000.000
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	<i>10.000 đồng/cp</i>	<i>10.000 đồng/cp</i>

**16. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
+ Vốn góp của cổ đông không kiểm soát	14.500.000.000	14.500.000.000
+ Lợi nhuận chia cho cổ đông không kiểm soát	676.153.343	933.461.164
+ Chi cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	(87.955.533)	(87.955.533)
+ Trích lập các quỹ	(5.824.278)	(5.824.278)
<b>Cộng</b>	<b>15.082.373.532</b>	<b>15.339.681.353</b>

**17. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

<b>Ngoại tệ các loại:</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- USD	-	-
- Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813



VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
a) <b>Doanh thu</b>		
- Doanh thu bán hàng hoá	1.659.992.423.877	1.502.569.980.011
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	77.554.842.626	79.916.675.672
<b>Cộng</b>	<b>1.737.547.266.503</b>	<b>1.582.486.655.683</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Hàng bán bị trả lại	32.148.980.737	5.883.034.008
<b>Cộng doanh thu thuần</b>	<b>1.705.398.285.766</b>	<b>1.576.603.621.675</b>
<b>Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán xe	1.600.850.888.082	1.479.885.566.267
Doanh thu bán phụ tùng	26.992.555.058	16.801.379.736
Doanh thu cung cấp dịch vụ	75.281.253.404	72.281.501.855
Doanh thu khác	2.273.589.222	7.635.173.817
<b>Cộng</b>	<b>1.705.398.285.766</b>	<b>1.576.603.621.675</b>
b) <b>Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Thành Đô	20.664.728.482	4.812.036.213
<b>2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Giá vốn xe đã bán	1.565.040.641.370	1.413.050.447.472
- Giá vốn hàng hóa đã bán	21.061.228.986	20.756.865.156
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	44.291.190.191	43.239.550.712
<b>Cộng</b>	<b>1.630.393.060.547</b>	<b>1.477.046.863.340</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	11.946.947	29.826.560
<b>Cộng</b>	<b>11.946.947</b>	<b>29.826.560</b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
- Chi phí lãi vay	11.110.215.769	5.956.127.459
<b>Cộng</b>	<b>11.110.215.769</b>	<b>5.956.127.459</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí nhân viên	22.168.573.462	19.344.628.567
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.067.812.292	612.020.102
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.041.579.177	14.793.865.971
- Chi phí bằng tiền khác	22.285.630.388	19.864.282.695
<b>Cộng</b>	<b>54.563.595.319</b>	<b>54.614.797.335</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO**

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân viên quản lý	8.829.619.648	8.553.057.873
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	956.713.707	1.162.932.269
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.394.234.133	1.233.229.425
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.675.464.186	8.944.962.446
- Chi phí bằng tiền khác	2.201.973.580	2.103.250.375
<b>Cộng</b>	<b>28.058.005.254</b>	<b>21.997.432.388</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	-	-
- Thu hỗ trợ chi phí tổ chức sự kiện từ Ford Việt Nam	21.887.493.705	9.536.704.095
- Thu nhập khác	469.256.201	17.518.368
<b>Cộng</b>	<b>22.356.749.906</b>	<b>9.554.222.463</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
- Lỗ từ việc thanh lý tài sản cố định	607.775.651	45.907.691
- Chi phí phạt nộp chậm thuế	8.556.413	
- Chi phí khác	137.505.000	134.178.415
<b>Cộng</b>	<b>753.837.064</b>	<b>180.086.106</b>
<b>9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
- Chi phí/(hoàn nhập) thuế TNDN hiện hành - Công ty CP City Auto	441.108.758	2.017.654.166
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP ô tô Phú Mỹ	55.504.824	1.199.889.721
- Chi phí thuế TNDN hiện hành - Công ty CP ô tô Nha Trang	-	439.184.505,00
<b>Cộng</b>	<b>496.613.582</b>	<b>3.656.728.392</b>
<b>10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>4.647.029.265</b>	<b>23.380.808.407</b>
Trong đó:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(257.307.821)	770.912.338
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	4.904.337.086	22.609.896.068
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(452.268.270)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	4.904.337.086	22.157.627.798
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	18.000.000	18.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>272</b>	<b>1.231</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
<b>11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	1.619.411.449.996	1.458.791.953.537
- Chi phí nhân công	33.344.221.618	27.897.686.440
- Chi phí khấu hao	3.739.328.233	2.127.818.962
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.935.189.029	43.971.893.820
- Chi phí khác	23.584.472.244	20.869.740.304
<b>Cộng</b>	<b>1.713.014.661.120</b>	<b>1.553.659.093.063</b>

## VII. Những thông tin khác

### 1. Thông tin về các bên liên quan

#### a/ Các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty mẹ
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

#### b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong kỳ tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối liên kết</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Số tiền</u>
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	20.664.728.482
		Mua hàng hóa	617.480.000
		Nhận cung cấp dịch vụ	10.155.914.973
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát		Lương và thù lao	1.291.582.000

Số dư phải thu/ (phải trả) đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc kỳ tài chính:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối liên kết</u>	<u>Nội dung</u>	<u>Số tiền</u>
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Công ty mẹ	Phải thu	34.545.342.455
		Phải thu ký quỹ	42.434.102.400
		Phải trả	(19.104.790.569)

### 2. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn một trong các điều kiện theo lĩnh vực kinh doanh hay theo vị trí địa lý theo quy định tại Thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính V/v hướng dẫn thực hiện 06 chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/02/2005 của Bộ Tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

### 3. Công cụ tài chính

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu công ty cổ phần và các cổ đông cá nhân.

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí).

Số liệu về các loại công cụ tài chính:

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và tương đương tiền	13.082.644.461	9.082.072.979	13.082.644.461	9.082.072.979
Phải thu khách hàng	170.473.803.445	171.669.032.026	170.473.803.445	171.669.032.026
Trả trước cho người bán	31.174.637.410	11.850.840.487	31.174.637.410	11.850.840.487
Phải thu khác	104.235.967.715	76.879.528.734	104.235.967.715	76.879.528.734
<b>Cộng</b>	<b>318.967.053.031</b>	<b>269.481.474.226</b>	<b>318.967.053.031</b>	<b>269.481.474.226</b>

Công nợ tài chính	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	42.393.401.503	35.951.168.037	42.393.401.503	35.951.168.037
Người mua trả tiền trước	21.156.438.766	17.382.597.193	21.156.438.766	17.382.597.193
Vay ngắn và dài hạn	386.489.514.735	370.919.050.111	386.489.514.735	370.919.050.111
Phải trả người lao động	5.182.088.446	7.861.633.544	5.182.088.446	7.861.633.544
Chi phí phải trả	4.364.105.938	1.342.410.298	4.364.105.938	1.342.410.298
Các khoản phải trả khác	17.356.271.793	13.146.621.579	17.356.271.793	13.146.621.579
<b>Cộng</b>	<b>476.941.821.181</b>	<b>446.603.480.762</b>	<b>476.941.821.181</b>	<b>446.603.480.762</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày lập báo cáo do Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về đánh giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### Quản lý rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá hàng hóa. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

#### Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch ngoại tệ nên Ban giám đốc tin tưởng rủi ro tỷ giá là không có.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có các chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản để hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**4. Số liệu so sánh**

- Số liệu đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2016.
- Số liệu của báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất kỳ trước lấy từ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2016.

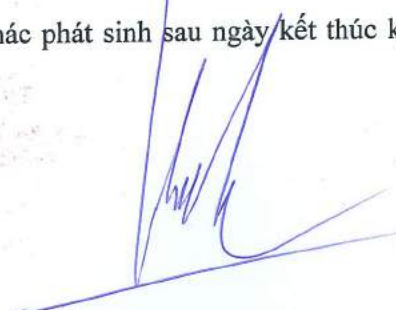
**5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



**Võ Chí Tâm**  
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 7 năm 2017



**Lê Thị Phú**  
Giám đốc tài chính



**Trần Trung Chánh**  
Tổng Giám đốc